

**BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2006/QĐ-BTC

*Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành tiêu chuẩn ngành:****Xuồng cao tốc - Quy phạm bảo quản dự trữ quốc gia****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Pháp lệnh Dự trữ quốc gia số 17/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02/12/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chuẩn ngành: Xuồng cao tốc - Quy phạm bảo quản dự trữ quốc gia, ký hiệu là TCN 08: 2006 (có Phụ lục tham khảo đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra thi hành Quyết định này ./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

**TCN****TIÊU CHUẨN NGÀNH****TCN 08: 2006****XUÔNG CAO TÓC  
QUY PHẠM BẢO QUẢN DỤ TRỮ QUỐC GIA**

**LawSoft**  
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT  
[www.ThuVienPhapLuat.Com](http://www.ThuVienPhapLuat.Com)

09693982

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* [www.ThuVienPhapLuat.com](http://www.ThuVienPhapLuat.com)**HÀ NỘI - NĂM 2006**

## MỤC LỤC

Lời nói đầu .....	09693982
1. Phạm vi áp dụng .....	
2. Tài liệu viện dẫn .....	
<b>Phần I. Quy định chung .....</b>	
1.1. Yêu cầu nhập kho .....	
1.2. Tài liệu viện dẫn, tính năng cơ bản của xuồng cao tốc .....	
1.3. Tiêu chuẩn và trách nhiệm của người bảo quản xuồng .....	
1.4. Thời gian lưu kho, luân chuyển đối với các loại xuồng .....	
1.5. Hạ thủy xuồng để kiểm tra định kỳ, đột xuất .....	
1.6. Yêu cầu khi vận chuyển xuồng .....	
1.7. Yêu cầu về kho bảo quản.....	
1.8. Hồ sơ theo dõi quá trình bảo quản và công tác quản lý .....	
1.9. Hồ sơ kỹ thuật của xuồng .....	
<b>Phần II. Kiểm tra, giao nhận xuồng nhập kho dự trữ quốc gia .....</b>	
2.1. Kiểm tra bằng cảm quan .....	
2.2. Kiểm tra tình trạng hoạt động các bộ phận của xuồng .....	
2.3. Nội dung biên bản giao nhận giữa các bên tại cửa kho dự trữ .....	
<b>Phần III. Bảo quản lần đầu trước khi nhập kho .....</b>	
3.1. Vệ sinh xuồng trước khi đưa vào bảo quản .....	
3.2. Quy hoạch, sắp xếp xuồng đưa vào bảo quản .....	
3.3. Kê kích xuồng trong kho bảo quản .....	
<b>Phần IV. Quy trình bảo quản thường xuyên, bảo quản định kỳ .....</b>	
4.1. Quy trình bảo quản thường xuyên .....	
4.1.1. Bảo quản thường xuyên các loại xuồng .....	
4.1.2. Bảo quản thường xuyên xe chở xuồng .....	
4.2. Quy trình bảo quản định kỳ .....	
4.2.1. Thời gian bảo quản .....	
4.2.2. Công tác chuẩn bị cho bảo quản .....	

- 4.2.3. Nổ máy .....
- 4.2.4. Bảo quản sau nổ máy .....
- 4.2.5. Bảo quản một số thiết bị .....

**Phần V. Xuất kho.....**

- 5.1. Công tác chuẩn bị .....
- 5.2. Tổ chức bàn giao.....

**Phần VI. Phòng chống cháy nổ và an toàn lao động .....**

- 6.1. Phòng chống cháy nổ .....
- 6.2. An toàn lao động .....



## Lời nói đầu

TCN 08: 2006 do Dự trữ quốc gia khu vực Đông Bắc biên soạn.

Cơ quan đề nghị ban hành tiêu chuẩn: Cục Dự trữ quốc gia.

Cơ quan ban hành tiêu chuẩn: Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 40/2006/QĐ-BTC ngày 07 tháng 8 năm 2006.

**TIÊU CHUẨN NGÀNH****TCN 08: 2006****Xuồng cao tốc - Quy phạm bảo quản Dự trữ Quốc gia****1. Phạm vi áp dụng:**

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu trong kiểm tra giao, nhận, vận chuyển, công tác quản lý và kỹ thuật bảo quản các loại xuồng cao tốc cứu nạn dự trữ quốc gia trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

**2. Tài liệu viện dẫn:**

SOLAS 74 Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển.

TCVN 6451 - 2004 Quy phạm phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc.

TCVN 6278 - 2003 Quy phạm trang bị an toàn tàu biển.

TCVN 6259 - 2003 Quy phạm phân cấp đóng tàu biển vỏ thép.

TCVN 6282 - 2003 Quy phạm kiểm tra và chế tạo các loại tàu làm bằng chất dẻo cốt sợi thủy tinh.

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản xuồng cao tốc của nhà sản xuất .

**Phần I****Quy định chung****1.1. Yêu cầu nhập kho**

1.1.1. Xuồng cao tốc đưa vào kho dự trữ quốc gia bảo quản là xuồng mới, chưa qua sử dụng, phải đồng bộ, có tình trạng kỹ thuật tốt, thỏa mãn thiết kế được duyệt.

1.1.2. Xuồng cao tốc đã qua sử dụng và khi nhập lại bảo quản trong kho dự trữ quốc gia: xuồng phải được cơ quan chức năng kiểm định chất lượng, cấp có thẩm quyền quyết định trước khi đưa vào kho bảo quản tiếp.

**1.2. Tài liệu viện dẫn, tính năng cơ bản của xuồng cao tốc dự trữ quốc gia**

1.2.1. Tài liệu: Theo tiêu chuẩn TCVN 6451- 2004

1.2.2. Tính năng:

- Xuồng cao tốc dự trữ quốc gia sử dụng hệ thống máy chính là động cơ đốt trong, dùng nhiên liệu xăng hoặc dầu diesel. Thiết bị chuyên dùng gồm: thiết bị thông tin, thiết bị điện, máy phát, máy bơm, thiết bị y tế.

- Vỏ xuồng được kết cấu từ hợp kim nhôm tàu 5083-H321 và hợp kim nhôm hình 6061T6, hoặc bằng composite, mặt sàn và boong làm bằng hợp kim nhôm hoặc composite chống trượt, các tấm kim loại được liên kết với nhau bằng các mối hàn theo quy trình hàn METAL- INERT & TUNGSTEN (Kim loại khí trơ và điện cực) cho toàn bộ đường hàn theo quy định của Đăng kiểm Việt Nam.

- Toàn bộ thân vỏ xuồng được phủ một lớp sơn chuyên dùng cho tàu biển.

1.2.3. Xuồng cao tốc cứu nạn có tính năng hàng hải ổn định, hệ thống lan can tay vịn được kết cấu và bố trí phù hợp.

### **1.3. Tiêu chuẩn và trách nhiệm của người bảo quản xuồng**

1.3.1. Người làm công tác bảo quản xuồng, nhóm tổ công nhân kỹ thuật bảo quản phải có trình độ hiểu biết về động cơ đốt trong, phải qua các lớp đào tạo, tập huấn về sử dụng xuồng, nắm vững các nguyên tắc vận hành và xử lý các sự cố xảy ra trong quá trình bảo quản.

1.3.2. Trong quá trình vận hành, bảo quản phải tuân thủ các quy định nêu trong quy phạm này. Nếu cá nhân, tập thể thực hiện sai, làm hư hỏng hoặc gây sự cố, phải bồi thường thiệt hại theo quy định hiện hành.

### **1.4. Thời gian lưu kho, luân chuyển đối với các loại xuồng**

1.4.1. Đối với các loại xuồng mới, chưa qua sử dụng đưa vào Dự trữ Quốc gia thời gian lưu kho không quá 7 năm.

1.4.2. Đối với các loại xuồng đã qua sử dụng đưa vào Dự trữ Quốc gia thời gian lưu kho không quá 3 năm.

### **1.5. Hạ thủy xuồng để kiểm tra định kỳ, đột xuất:**

1.5.1. Cục Dự trữ quốc gia quyết định thời gian hạ thủy xuồng cao tốc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc theo yêu cầu của công tác bảo quản xuồng.

1.5.2. Di chuyển xuồng từ kho đến nơi hạ thủy và vận hành xuồng phải tuân thủ các quy định hiện hành khi tham gia giao thông đường biển, đường sông.



## **1.6. Yêu cầu khi vận chuyển xuống.**

1.6.1. Kiểm tra tính an toàn của phương tiện vận chuyển xuống, xe kéo xuống và các thiết bị an toàn khác.

1.6.2. Phải có dây chằng buộc xuống, có giá kê, kết thúc quá trình vận chuyển phải lắp ráp hoàn chỉnh các trang thiết bị đã tháo.

1.6.3. Khi vận chuyển cần đảm bảo khoảng cách thích hợp giữa phần thấp nhất của đuôi máy với mặt đường.

1.6.4. Không vận chuyển xuống chung cùng với các loại hóa chất, các chất dễ gây cháy nổ.

## **1.7. Yêu cầu về kho bảo quản.**

1.7.1. Kho kín, có mái che, có hệ thống bảo vệ.

1.7.2. Nền kho bằng phẳng, cứng, tải trọng đạt lớn hơn 5 tấn/m<sup>2</sup> và thuận tiện cho quá trình nhập, xuất, bảo quản xuống.

1.7.3. Kho cách xa các nguồn hóa chất, nơi dễ cháy nổ, có hệ thống phòng cháy, chữa cháy, phòng chống bão lụt và hệ thống điện chiếu sáng.

1.7.4. Kho mới xây dựng nên đặt ở gần sông để dễ dàng cho việc bảo quản định kỳ có hạ thủy.

## **1.8. Hồ sơ theo dõi quá trình bảo quản và công tác quản lý**

1.8.1. Hồ sơ gồm:

1.8.1.1. Sổ nhật ký bảo quản; sổ theo dõi công tác bảo quản; biên bản sự cố kỹ thuật; biên bản khắc phục sự cố (nếu có).

1.8.1.2. Biên bản nhận bàn giao, phiếu nhập kho, thẻ kho, biên bản xuất kho, hóa đơn xuất hàng theo quy định của Dự trữ Quốc gia.

1.8.1.3. Các hồ sơ, chứng từ, biên bản bàn giao, xuất xứ của xuống được quản lý tập trung, khi có lệnh xuất giao phải được chuyển giao cho đơn vị nhận xuống.

1.8.2. Công tác quản lý:

1.8.2.1. Định kỳ một tháng một lần thủ trưởng đơn vị phụ trách kho phải kiểm tra và có nhận xét đánh giá ghi vào sổ theo dõi công tác bảo quản.

1.8.2.2. Một tháng một lần tổng kho báo cáo Dự trữ quốc gia khu vực tình hình công tác bảo quản.

1.8.2.3. Một quý một lần Dự trữ quốc gia khu vực tổng hợp, báo cáo Cục Dự trữ Quốc gia tình hình thực hiện công tác bảo quản, những đề xuất, kiến nghị cần giải quyết.

1.8.2.4. Tất cả những hư hỏng, mất mát các chi tiết, bộ phận của xuồng trong quá trình lưu kho, Tổng kho phải lập biên bản nêu rõ hiện tượng, nguyên nhân, quy rõ trách nhiệm và báo cáo Dự trữ Quốc gia khu vực để có biện pháp xử lý.

### **1.9. Hồ sơ kỹ thuật của xuồng:**

1.9.1. Hồ sơ xuất xưởng (Gồm các biên bản nghiệm thu từng công đoạn sản xuất của cơ quan Đăng kiểm Việt Nam).

1.9.2. Hồ sơ đăng kiểm.

1.9.3. Hồ sơ bản vẽ thiết kế và giấy chứng nhận thiết kế được duyệt do cơ quan có thẩm quyền cấp.

1.9.4. Tài liệu hướng dẫn sử dụng máy và thiết bị được lắp trên xuồng.

## **Phần II**

### **Kiểm tra, giao nhận xuồng nhập kho Dự trữ Quốc gia**

#### **2.1. Kiểm tra bằng cảm quan**

2.1.1. Xuồng nhập kho Dự trữ Quốc gia phải bảo đảm theo đúng quy định tại Điều 1.1 của quy phạm này.

2.1.2. Kiểm tra tính đồng bộ của xuồng:

2.1.2.1. Kiểm tra máy: Kiểm tra chủng loại, ký hiệu của máy và số máy để đối chiếu với hồ sơ thiết kế, hồ sơ đăng kiểm.

2.1.2.2. Kiểm tra hệ thống điều khiển trên ca bin xuồng, các hệ thống đường dẫn động cơ khi điều khiển từ cabin tới phần máy.

2.1.2.3. Kiểm tra hệ thống thông tin, tín hiệu liên lạc cứu nạn, đèn báo hiệu, còi ù, đèn quay

2.1.2.4. Kiểm tra các trang thiết bị kèm theo như: Phao tròn, áo phao, đệm chống va đập, ắc quy, khung dàn bạt, bạt che, thiết bị y tế và hệ thống neo.

2.1.2.5. Kiểm tra xe kéo xuồng: Bánh lốp, các cơ cấu cáp kéo nâng hạ xuồng, các puli con lăn trượt của xe kéo xuồng.



## **2.2. Kiểm tra tình trạng hoạt động các bộ phận của xuồng:**

2.2.1. Kiểm tra hoạt động của các động cơ (trước khi thử hoạt động của máy cần phải tiến hành hạ thủy động cơ), hệ thống thủy lực nâng hạ của máy, vòng quay chân vịt, hệ thống hoạt động của bơm làm mát máy chính.

2.2.2. Kiểm tra các hệ thống điện như: Cầu chì, dây dẫn điện, hệ thống cắt mát, ắc quy và các công tắc, cần gạt trên bảng hệ thống điện.

2.2.3. Kiểm tra các thiết bị điện: Đèn pha, đèn quay, còi ù, đèn chiếu sáng trong cabin, loa, micrô.

2.2.4. Kiểm tra hệ thống lái và hệ thống nâng hạ của cửa cứu nạn phía trước mũi xuồng.

## **2.3. Nội dung biên bản giao nhận giữa các bên tại cửa kho dự trữ:**

2.3.1. Đánh giá chất lượng: Vỏ xuồng, máy của xuồng, xe kéo và các trang thiết bị kèm theo xuồng.

2.3.2. Số lượng, chất lượng, số vỏ, số máy của từng xuồng bàn giao.

2.3.3. Danh mục trang thiết bị, số lượng, chất lượng các trang thiết bị, phụ tùng dự trữ theo xuồng.

2.3.4. Các tài liệu giao kèm cho mỗi xuồng theo đúng quy định tại Điều 1.9 của Quy phạm này.

## **Phần III**

### **Bảo quản lần đầu trước khi nhập kho**

#### **3.1. Vệ sinh xuồng trước khi đưa vào bảo quản**

3.1.1. Dùng nước ngọt, sạch rửa toàn bộ bên ngoài xuồng và xe kéo xuồng. Dùng máy nén khí, giẻ mềm để thổi, lau khô nước trước khi đưa xuồng vào bảo quản.

3.1.2. Không dùng vòi nước có áp lực cao phun thẳng vào kính xuồng và các hệ thống điện.

#### **3.2. Quy hoạch, sắp xếp xuồng đưa vào bảo quản**

3.2.1. Mỗi loại xuồng được sắp xếp theo khu vực riêng và xếp quay mũi xuồng ra phía cửa kho để bảo quản.

3.2.2. Khoảng cách giữa các xưởng với nhau được sắp xếp như sau:

3.2.2.1. Khoảng cách xếp theo chiều ngang giữa 2 thân xưởng không nhỏ hơn 0,5m.

3.2.2.2. Khoảng cách xếp theo chiều dọc giữa 2 xưởng không nhỏ hơn 2m.

3.2.2.3. Khoảng cách giữa xưởng và cột nhà kho, tường kho không nhỏ hơn 0,5m.

3.2.3. Các trang thiết bị kèm theo xưởng như: ắc quy, hộp đồ nghề, tài liệu kỹ thuật, phao cứu sinh các loại, thiết bị liên lạc, thiết bị y tế được bảo quản riêng trên giá kê hàng (*ắc quy đã đổ điện dịch phải được bảo quản ở khu vực riêng*).

### 3.3. Kê kích xưởng trong kho bảo quản

3.3.1. Xưởng có trang bị đặt trên xe kéo: Bánh lốp được kê cao cách nền sàn kho tối thiểu từ  $3 \div 5$ cm; áp suất trong săm từ  $1,0 \div 1,5$ kg/cm<sup>2</sup>. Hệ thống nhíp, lò so, các xi lanh thủy lực được ở trạng thái nghỉ không chịu tải.

3.3.2. Mỗi xưởng không đặt trên xe kéo (ST450) được kê trên 1 khung giá riêng.

## Phần IV

### Quy trình bảo quản thường xuyên, bảo quản định kỳ

#### 4.1. Quy trình bảo quản thường xuyên

4.1.1. Bảo quản thường xuyên các loại xưởng:

4.1.1.1. Quy trình bảo quản thường xuyên 1 lần/ tuần:

4.1.1.1.1. Vệ sinh sạch toàn bộ mặt sàn kho trước khi bảo quản xưởng.

4.1.1.1.2. Vệ sinh bạt che xưởng, kính chắn gió, đèn, còi, lan can, tay vịn, thân xưởng, mặt boong, bề mặt ngoài của máy và chân vệt.

4.1.1.1.3. Dùng giẻ mềm để vệ sinh toàn bộ phần bên trong ca bin và bảng công tác điện, bộ TAC và các thiết bị khác lắp đặt trên xưởng.

4.1.1.1.4. Tháo bạt che ra khỏi xưởng khi thời tiết nóng có nhiệt độ môi trường trong kho bảo quản lớn hơn 40°C.

4.1.1.1.5. Kiểm tra, vệ sinh: Phao tròn, phao áo, ắc quy, đồ nghề và các trang thiết bị khác của xưởng.



#### 4.1.2. Bảo quản thường xuyên xe chở xuống:

4.1.2.1. Một quý 1 lần làm sạch, tra dầu vào ốc vít, các vị trí khác như: Hệ thống con lăn, tời cáp, nhíp xe; 6 tháng 1 lần bơm mỡ vào các vị trí vú mỡ.

4.1.2.2. Kiểm tra áp suất trong xăm phải luôn đảm bảo áp suất như đã quy định tại Điều 3.3 (3.3.1). Trong thời gian bảo quản xe chở xuống nếu có chỗ bị han gỉ thì sơn khắc phục ngay, màu sơn phải đảm bảo đồng nhất với màu sơn nền cũ.

### 4.2. Quy trình bảo quản định kỳ

#### 4.2.1. Thời gian bảo quản

Một quý 1 lần nổ máy định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của: động cơ, hệ thống thủy lực nâng hạ chân vịt máy, hộp số, tay ga, hệ thống điện, đèn, còi, thiết bị liên lạc và các trang thiết bị theo xuống.

#### 4.2.2. Công tác chuẩn bị cho bảo quản.

4.2.2.1. Két nước để làm mát máy phải đủ nước, bật công tắc điện nâng đuôi máy xuống lên để đưa két nước làm mát máy vào vị trí phía dưới của đuôi máy xuống. Bật công tắc điện để hạ máy xuống hết hành trình, mức nước trong két phải ngập cánh đèn sóng. (Trên cửa lấy nước của máy).

4.2.2.2. Kiểm tra kỹ hệ thống nhiên liệu (két nhiên liệu, đường dẫn, mặt bích và bầu lọc). Nhiên liệu dùng cho động cơ máy nổ phải theo đúng yêu cầu về chủng loại, chất lượng của nhà sản xuất máy. Không dùng dầu, xăng lẫn nước, dầu bôi trơn động cơ phải đảm bảo đúng yêu cầu về chủng loại và dung tích cho từng loại xuống (Theo hướng dẫn của nhà sản xuất)

4.2.2.3. Cấp nhiên liệu vào két đạt tới mức cho phép, bơm nhiên liệu cho động cơ, và xả e cho hệ thống (chỉ áp dụng cho lần khởi động đầu tiên).

4.2.2.4. Mở nắp bầu lọc nước biển đổ nước đầy vào bầu lọc, kiểm tra nước làm mát cho động cơ, mức dầu bôi trơn động cơ, kiểm tra tay số ở vị trí "Stop" nổ máy không tải (Số ở trạng thái không).

4.2.2.5.Ắc quy phải được nạp đủ điện theo quy định, đấu ắc quy với bộ đèn, dây mát của máy, kiểm tra các đầu mối điện và hệ thống cắt mát.

4.2.2.6. Kiểm tra toàn bộ bề mặt ngoài của động cơ (không có vật lạ đặt trên hoặc gần động cơ).

### 4.2.3. Nổ máy

4.2.3.1. Để máy chạy ở chế độ vòng quay “Min” không tải để tiến hành nổ máy. Khi đề nổ phải đề dứt khoát, mỗi lần đề thời gian không lớn hơn 5 giây. Không đề liên tiếp nhiều lần, thời gian dừng giữa 2 lần đề máy phải lớn hơn 15 giây. Theo dõi sự hoạt động của hệ thống làm mát, của các bơm nước mặn (nước vào và ra khỏi máy tuần hoàn kín tại két nước thờ).

4.2.3.2. Sau khi nổ máy duy trì ở vòng tua (từ 600 ÷ 1.000 vòng/phút, điều khiển ga ở vị trí nhỏ nhất) trong vòng 5 phút. Khi các thông số ở chế độ an toàn thì tiến hành tăng dần vòng tua của máy từng bước một, không được tăng đột ngột. Thời gian nổ máy không tải không quá 30 phút cho một lần nổ máy.

4.2.3.3. Dầu bôi trơn hộp số phải được thay sau 10 giờ vận hành đầu tiên. Tiến hành thay dầu định kỳ sau 100 giờ máy hoạt động hoặc định kỳ kiểm tra thấy dầu không đảm bảo, dầu có hiện tượng trắng như sữa, lẫn nước, bẩn, lắng đọng... phải lập biên bản dừng máy và báo cáo cấp trên giải quyết.

4.2.3.4. Van điều tiết nước làm mát máy hoạt động khi nhiệt độ nước trong máy đạt tới nhiệt độ quy định: (Nhiệt độ nước bằng 73 - 77°C van điều tiết bắt đầu mở, nhiệt độ nước bằng 75°C - 95°C van điều tiết mở hoàn toàn) nhiệt độ nước trong két tăng cao hơn 40°C phải bổ sung nước để làm giảm nhiệt độ nước trong két.

Trước khi tắt máy: phải giảm ga về vòng quay nhỏ nhất duy trì trong thời gian 3 đến 5 phút để nhiệt độ nước làm mát trong động cơ giảm xuống.

4.2.3.5. Định kỳ mỗi lần phát nổ máy phải kiểm tra tính năng hoạt động của các bộ phận và trang thiết bị chuyên dùng của xuồng (Thực hiện như điều 2.2). Nếu phát hiện bị hư hỏng, sự cố phải xử lý kịp thời.

### 4.2.4. Bảo quản sau nổ máy.

4.2.4.1. Nâng đuôi máy lên, đưa két nước làm mát máy ra ngoài, tháo két nhiên liệu và ống dẫn nhiên liệu. Xả hết lượng nhiên liệu còn đọng tại bộ chế hòa khí và cốc lọc. Hạ đuôi máy về vị trí bảo quản tĩnh.

4.2.4.2. Bật công tắc ngắt mát, tháo ắc quy đưa về nơi bảo quản riêng.

4.2.4.3. Thực hiện quy trình bảo quản theo quy định tại điều 4.1.1 của quy phạm này.

### 4.2.5. Bảo quản một số thiết bị.

4.2.5.1. Các dụng cụ, đồ nghề theo xuồng mỗi năm được lau chùi sạch sẽ và được bọc bằng giấy nén.



#### 4.2.5.2. Ấc quy theo xuống:

- Ấc quy khô được bảo quản nguyên bao bì trên giá (chú ý kiểm tra độ kín của các nút đậy, băng dán).

- Ấc quy ướt (đã đổ điện dịch) được bảo quản riêng trên giá, xếp một lượt, vỏ ắc quy được lau khô sạch hàng tuần. Mức điện dịch trong từng ngăn phải cao hơn tấm cực hoặc lưới ngăn 10 đến 15mm. Hàng tháng phải nạp điện bổ sung để ắc quy luôn no nước.

4.2.5.3. Các trang thiết bị chuyên dùng như: Máy VHF, thiết bị y tế được bảo quản riêng ở nơi khô ráo, dùng giẻ mềm hoặc máy hút bụi để vệ sinh bên ngoài.

## Phần V

### Xuất kho

#### 5.1. Công tác chuẩn bị

5.1.1. Chuẩn bị dụng cụ, trang thiết bị cần thiết cho việc phát nổ máy như: Xăng, dầu, ắc quy, két nước, lực lượng công nhân và các giấy tờ, sổ sách chứng từ có liên quan đến việc xuất xuống dự trữ quốc gia.

5.1.2. Kiểm tra các trang thiết bị giao kèm theo xuống, hạ xuống xuống khỏi giá kê, bơm hơi lốp (xuồng để trên xe chở xuống).

#### 5.2. Tổ chức bàn giao

5.2.1. Tiến hành phát nổ máy, kiểm tra tính năng hoạt động của các thiết bị trên xuống (thực hiện theo Điều 2.2, Điều 4.2.3) và tiến hành lập biên bản bàn giao xuống (thực hiện theo điều 2.3).

5.2.2. Xuất xuống ra khỏi kho dự trữ quốc gia thực hiện theo nguyên tắc: Xuồng nhập trước xuất trước, xuống nhập sau xuất sau và chỉ thực hiện xuất kho khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

## Phần VI

### Phòng chống cháy nổ và an toàn lao động

#### 6.1. Phòng chống cháy nổ

6.1.1. Kho bảo quản xuống phải đảm bảo các yêu cầu được quy định tại Điều 1.7

của quy phạm này và được trang bị, tổ chức công tác phòng chống cháy nổ theo đúng Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ và Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 của Bộ Công an.

6.1.2. Phải tuyệt đối cách ly các nguồn có thể phát cháy, nổ khi bảo quản xuống.

6.1.3. Lập phương án phòng chống cháy nổ, phòng cháy chữa cháy và lực lượng ứng cứu khi có tình huống xảy ra.

## **6.2. An toàn lao động**

Người làm công tác bảo quản xuống, nhóm tổ công nhân kỹ thuật bảo quản được trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động theo đúng quy định./.

---



**PHỤ LỤC THAM KHẢO**

**(Kèm theo tiêu chuẩn ngành TCN 08:2006:  
Xuồng cao tốc - Quy phạm bảo quản dự trữ quốc gia)  
Một số loại xuồng bảo quản tại các kho Dự trữ quốc gia**

**1. Xuồng ST 750 CN:****1.1. Một số thông số kỹ thuật của xuồng:**

\* *Kích thước toàn bộ xuồng, xe:*

- Chiều dài toàn bộ:  $L_{TB} = 11,50 \text{ m}$
- Chiều rộng toàn bộ:  $B_{TB} = 2,85 \text{ m}$
- Chiều cao toàn bộ:  $D_{TB} = 4,10 \text{ m}$
- Mớn nước trung bình:  $d = 0,60 \text{ m}$
- Vận tốc trung bình lớn nhất:  $V_{Max} = 30 \text{ hải lý/giờ}$
- Trọng lượng xuồng:  $P = 3.700 \text{ kg}$

➔ Biên chế thuyền viên 2 người, 4 nhân viên cứu nạn và 15 người bị nạn, hoặc 1.500 kg hàng hóa.

- Máy chính: ME 421 ST I P2 (ME 420 ST I P1) - 240 CV - 3.700 V/phút (động cơ diesel 4 kỳ - 6 xy lạnh).

**1.2. Đặc tính kinh tế kỹ thuật xuồng cao tốc:**

- Xuồng được thiết kế có khoang kín trong thân vỏ, phía trong vỏ xuồng được phun một lớp xốp chống chìm, điều này sẽ giúp cho xuồng luôn nổi cho dù các khoang có bị thủng và ngập nước.

- Xuồng có tính ổn định và tốc độ cao nhờ sự kết hợp giữa động cơ và 2 thân phụ dưới đáy xuồng. Cùng với hệ đuôi chuyển động được điều khiển bằng hệ lái thủy lực, nâng hạ cầu mòm được điều khiển bằng tời quay tay... đã tạo nên khả năng hoạt động hợp lý rất thuận tiện cho việc tìm kiếm cứu nạn, vận chuyển hàng hóa và đưa người bị nạn từ dưới nước lên xuồng, từ xuồng lên bờ. Xuồng có thể hoạt động ở chế độ lướt với tốc độ cao nhất ( $> 25 \text{ hải lý/h}$ ) trong điều kiện sóng cấp 4, gió cấp 5 độ BEOUFORE.

- Toàn bộ thân vỏ xuồng được làm bằng hợp kim nhôm đóng tàu chuyên dùng (Loại 5083-H321 và 6061 T6). Mặt sàn và boong làm bằng nhôm chống trượt.

- Do có khối lượng nhẹ (3.700 kg), nên có thể dùng cầu để nâng xuống lên xe chở xuống hoặc hạ xuống xuống nước.

- Kết cấu xuống theo hệ thống cơ cấu dọc, khoảng sườn ngang: 500 mm, khoảng cách các nẹp dọc; 150 mm hoặc 200 mm tùy theo các vị trí của thân vỏ xuống.

- Xuồng có bố trí chung hợp lý, hài hòa, thẩm mỹ, chắc chắn, hiện đại, đáp ứng được các chức năng cứu hộ.

- Xuồng được bố trí 4 vách ngang, và phân thành các khoang:

+ Từ Sn # 0 đến Sn#4: Khoang sau cabin.

+ Từ Sn # 3 đến Sn # 4: Khoang chứa két dầu đốt trực nhật máy chính.

+ Từ Sn 4 đến Sn 10: Khoang cabin.

+ Khoang dưới cabin: Từ Sn10 đến mũi.

## **2. Xuồng ST 660:**

### **2.1. Một số thông số kỹ thuật của xuồng:**

\* *Kích thước toàn bộ xuồng, xe:*

- Chiều dài toàn bộ:  $L_{TB} = 8,00 \text{ m}$

- Chiều rộng toàn bộ:  $B_{TB} = 2,25 \text{ m}$

- Chiều cao toàn bộ:  $D_{TB} = 3,24 \text{ m}$

- Chiều chìm trung bình:  $d = 0,35 \text{ m}$

- Vận tốc trung bình lớn nhất:  $V_{Max} = 27 \text{ hải lý/giờ}$ .

- Trọng lượng xuồng: 800 kg

- Máy chính: Động cơ xăng YAMAHA - công suất từ 60 - 115 CV

(Riêng xuồng Dự trữ Quốc gia: máy  $60^{CV}$  hoặc  $85^{CV}$  ).

### **2.2. Đặc tính kinh tế kỹ thuật xuồng cao tốc:**

- Xuồng được thiết kế có kiểu dáng đẹp, tính năng hàng hải ổn định, hệ thống các thiết bị lắp đặt trên xuồng được bố trí hợp lý, rất thuận tiện cho người sử dụng.

- Xuồng được phun đầy xốp trong hai khoang mạn ở khu vực từ Sn # 0 ; Sn # 1, và dọc 2 hộp ghé phía trong cabin nhằm tăng khả năng chống chìm khi xuồng bị sự cố.





- Tùy theo tải trọng và mục đích sử dụng, xuồng ST 660 có thể đạt tốc độ cao (Lắp máy có công suất 85 CV, tốc độ  $V_{Max} = 25$  hải lý/h) ngoài ra, tùy theo nhu cầu sử dụng, xuồng có thể lắp được máy có công suất từ 40/60 CV đến 115 CV.

- Xuồng hoạt động chủ yếu trên các sông, hồ và các vùng cửa sông. Với tính năng ổn định, độ tin cậy cao, xuồng rất phù hợp với mục đích sử dụng: Công tác tuần tra, cảnh sát, du lịch, cứu hộ, cứu nạn.

- Toàn bộ thân vỏ xuồng được làm bằng hợp kim nhôm dùng cho đóng tàu loại 5083 - H321, H112 và 6061. Mặt boong làm bằng hợp kim nhôm chống trượt B5 (dày 3,5mm) đảm bảo cho người đi lại trên xuồng rất an toàn và thuận tiện.

- Xuồng được kết cấu dạng hỗn hợp, các cơ cấu hình ngang được gia cường thêm bằng các nẹp dọc (nhôm chữ U) khoảng sườn ngang là 700 mm.

- Xuồng thiết kế đảm bảo bền chắc, có kết cấu gia cường đặc biệt ở vùng đáy, sống nằm của đáy được kết cấu bằng nhôm tấm dày 8mm nhằm khi trượt trên các vật cứng sẽ không bị hỏng.

- Do có khối lượng nhẹ (800 kg), nên xuồng có thể được nâng hạ bằng cần cầu rất dễ dàng và thuận tiện.

- Xuồng có bố trí chung hợp lý, hài hòa kiểu dáng đẹp, hiện đại, đáp ứng được đầy đủ các chức năng cứu hộ cứu nạn.

- Xuồng được phân bố thành các khoang sau:

+ Từ Sn số # 0 ÷ # 2: Là khoang kín, trong khoang có chứa 01 can xăng 24 lít, 01 bình ắc quy đảm bảo an toàn, chống cháy nổ.

+ Từ Sn # 2 ÷ # 7: Là khoang khách ngồi có mái che di động với khung bằng Inox, khoang được bố trí ghế Composite dọc 2 bên mạn đủ cho 6 người ngồi.

+ Từ Sn # 7 ÷ Sn # 12: Là khu vực Cabin kín thời tiết có mái che cố định, khoang được trang trí bằng nội thất loại cao cấp, phun xốp chống nóng tốt.

+ Từ Sn # 12 đến mũi là khoang trống tạo lực nổi cho xuồng.

### **3. Xuồng ST 450:**

#### **3.1. Một số thông số kỹ thuật của xuồng:**

\* Kích thước toàn bộ xuồng, xe:

- Chiều dài toàn bộ:  $L_{TB} = 4,87$  m

- Chiều rộng toàn bộ:  $B_{TB} = 1,60$  m

- Chiều cao toàn bộ:  $D_{TB} = 1,65 \text{ m}$
- Mớn nước trung bình:  $d = 0,36 \text{ m}$
- Vận tốc trung bình lớn nhất:  $V_{Max} = 19 \text{ hải lý/giờ}$ .
- Máy chính: Động cơ xăng YAMAHA từ 15 CV đến 40 CV (Riêng Dự trữ Quốc gia: Máy 15 CV).
- Trọng lượng toàn bộ: 150kg vỏ xuồng + 30kg máy = 180kg.

### 3.2. Đặc tính kinh tế kỹ thuật:

- Xuồng có kích thước nhỏ gọn, khối lượng nhẹ (= 180kg) nên rất dễ dàng chuyên chở trên đường bộ, đường thủy.

- Mục đích sử dụng: Làm xuồng công tác, cứu hộ, cứu nạn, vùng hoạt động chủ yếu là: Cửa sông, vùng sông rạch và các vùng bị bão lụt. Ngoài ra, xuồng có thể dùng làm phương tiện vận chuyển hàng hóa để đưa hàng tiếp cận các vùng nước nông, luồng nhỏ hẹp mà các tàu xuồng khác không vào được.

- Xuồng được thiết kế có lực nổi lớn nhờ công nghệ phun xốp đảm bảo hoạt động ổn định an toàn trong mọi trường hợp và đặc biệt là xuồng phát huy nhiều tác dụng trong vùng bị lũ lụt.

- Với kết cấu boong hở ở phía mũi, sẽ rất thuận lợi cho xuồng áp sát bờ, hơn thế nữa, khoang hở phía sau của xuồng sẽ rất thuận tiện cho việc đưa người và hàng hóa lên xuống xuồng.

- Toàn bộ thân vỏ xuồng được kết cấu bằng hợp kim nhôm đóng tàu 5083-H321 và 6061 T6. Các chi tiết kết cấu được liên kết với nhau bằng kết cấu hàn và đinh tán.

- Xuồng được thiết kế để lắp các máy phía ngoài xuồng có công suất từ 8-40 CV; ngoài ra cũng có thể điều khiển xuồng bằng 2 mái chèo khi xuồng hoạt động trong vùng nước rất nông hoặc xuồng bị sự cố.

- Kết cấu xuồng theo hệ thống cơ cấu ngang với khoảng sườn ngang là 300 mm hoặc 410 mm. Nhôm boong mũi, mạn và đáy được gia cường dập gân với khoảng cách: 150 mm.

- Thân vỏ xuồng phẳng, kết cấu không có khuyết tật, đảm bảo cho xuồng hoạt động tốt trong các điều kiện thời tiết không thuận lợi. Trên xuồng có bố trí kính chắn gió và bạt che bằng vải không thấm nước để tránh mưa, gió và nước bắn vào trong xuồng.



- Trên xuồng còn được bố trí 03 tay xách dùng để buộc dây khi cập bến và vận chuyển bằng tay dễ dàng.

- Xuồng được chia làm 3 khu vực chính:

+ Khu vực đuôi: Từ vách 0 ÷ # 1 tại mạn phải phía đuôi xuồng được bố trí 01 can xăng 24 lít, phía bên trái vách đuôi có bố trí giá có thể đặt can nước ngọt hoặc đồ dùng cần thiết phục vụ cho việc cứu hộ.

+ Khu vực ghé ngồi: Từ # 1 ÷ # 9 là khu vực ghé ngồi cho cán bộ, nhân viên cứu hộ và sàn phục vụ thao tác cấp cứu người bị nạn hoặc để hàng hóa.

+ Khoang mũi: Từ # 9 đến mũi là không gian để chứa các vật dụng cần thiết cho hoạt động của xuồng như: áo phao, dây buộc,...

#### **4. Xuồng ST-1200 CN**

Được thiết kế dựa trên các mẫu xuồng đổ bộ 12m Fát Patrol Boat FDB 12 của NATO cùng loại được đóng ở nước ngoài và mẫu xuồng cứu hộ cứu nạn.

##### **4.1. Một số thông số kỹ thuật của xuồng:**

\* *Kích thước toàn bộ xuồng, xe:*

- Chiều dài toàn bộ:  $L_{TB} = 14,87 \text{ m}$
- Chiều rộng toàn bộ:  $B_{TB} = 3,50 \text{ m}$
- Chiều cao toàn bộ:  $D_{TB} = 4,58 \text{ m}$
- Mớn nước:  $T = 0,45 \text{ m}$
- Lượng giãn nước: 1,51 tấn
- Máy chính: YAMAHA ME 420STI (động cơ diezen).
- Công suất:  $N_e = 2 \times 240 \text{ CV}$
- Vận tốc trung bình lớn nhất:  $V = 30 \text{ hải lý/giờ}$
- Tầm bơi xa: 150 hải lý
- Trọng lượng toàn bộ (không kể xe): 10,5 tấn.

##### **4.2. Đặc tính kinh tế kỹ thuật:**

- Xuồng được thiết kế với tuyến hình đặc biệt nên có khả năng cưỡi sóng tốt và tính ổn định cao ở trạng thái tĩnh cũng như trạng thái lướt. Ngoài ra xuồng được lắp hai máy với hệ thống thiết bị đẩy đồng bộ chân vịt điều khiển dễ vận hành và quay trở tốt ở tốc độ cao.

- Xuồng hoạt động ở những vùng nước cạn với thời tiết khắc nghiệt, chịu đựng ở sóng gió tốt ở ngoài khơi cũng như gần bờ.
  - Đáy và mạn xuồng được phun đầy bọt cùng Polyurethane tạo sức nổi đảm bảo cho xuồng không bị chìm khi các khoang bị ngập nước.
  - Xuồng có cầu đồ bộ ở mũi rất thuận tiện cho ô tô lên xuồng và đồ bộ lên bờ.
  - Ca bin chia làm 2 phần, phần trên được đóng mở bản lề có thể gập xuồng khi qua cầu.
  - Trang bị trên xuồng đầy đủ cho thuyền viên sinh hoạt bình thường.
  - Xuồng được trang bị ra đa định vị vệ tinh, I'com.
  - Xuồng ST1200 dùng phục vụ công tác cứu hộ cứu nạn, tuần tra, tuần tiễu, đồ bộ, chuyên chở hàng trong những sông rạch, ven biển, tiếp cận các đảo ở vùng ven bờ...
-